

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/DS-ST

Ngày 15 - 6 - 2023

V/v: “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” giữa bà B và bà M.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Chính

Bà Trần Thị Hải Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 14/2023/TLST-DS ngày 13 tháng 3 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2023/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã P, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh;

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Xóm Đ (xóm cũ), xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Nguyễn Xuân H, sinh năm 1971 (chồng bà M);

Đại chỉ: Xóm Đoài Đông (xóm 6 cũ), xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

- Ông Nguyễn Chí C, sinh năm 1970 (chồng bà B);

Địa chỉ: Thôn Đoàn Kết, xã Phù Lãng, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông C là: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1971;
Địa chỉ: Thôn Đoàn Kết, xã Phù Lãng, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

Tại phiên tòa bà B vắng mặt có lý do; bà M và ông H vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10/02/2023 và quá trình tố tụng tại tòa án nguyên đơn bà Nguyễn Thị B trình bày: Vợ chồng bà thường xuyên vận chuyển giao hàng hóa là Lu Gồm dùng trồng quất cảnh cho người dân xã N. Vào đầu năm 2022 vợ chồng bà M và ông H đã chủ động gặp bà và đặt mua 300 cái Lu gồm để trồng Quất bà đồng ý. Tháng 02/2022 bà đã vận chuyển và bàn giao Lu trồng Quất tại nhà ở của bà M và ông H tổng 250 cái với giá 85.000đồng/01cái và loại II gồm 50 cái với giá 70.000đồng/01cái. Tổng giá trị hàng hóa bà bán cho bà M và ông H là 24.750.000 đồng. Sau khi nhận đủ hàng (Lu) bà M nói vợ chồng bà ấy đang dồn tiền để đảo sổ vay vốn ngân hàng nên hẹn sau một tuần (tức ngày 25/02/2023 âm lịch) sẽ trả cho bà số tiền trên. Bà M có viết giấy đưa cho bà giữ với nội dung “Nay là ngày 18/02/2022 âm lịch tôi lấy chịu 300 (ghi nhầm 3000) cái Lu của bà B C tổng số tiền 24.700.000 đồng” người mua ký và ghi rõ họ tên Nguyễn Thị M (giấy mua hàng bà M viết sau tờ lịch bà cung cấp bản gốc cho Tòa án). Đến hạn bà M và ông H không trả tiền, bà đến nhà đòi nhiều lần nH bà M và ông H khất lần không trả. Vì vậy, bà làm đơn đề nghị Tòa án buộc bà M và ông H phải có trách nhiệm trả cho vợ chồng bà số tiền mua Lu là 24.700.000 đồng, bà không yêu cầu bà M và ông H phải thanh toán lãi suất chậm trả theo quy định.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị M đã được Tòa án triệu tập đến trụ sở Tòa án làm việc nH bà không đến, cũng không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà B gửi cho Tòa án.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/5/2023, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Xuân H trình bày: Ngày 12/02/2022 vợ chồng ông có mua của bà Nguyễn Thị B người huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh một số Lu trồng Quất cụ thể 100 cái x 85.000 đồng/cái, sau ít ngày sau vợ chồng ông lại mua tiếp 150 cái x 85.000 đồng/cái và 50 cái x 70.000 đồng/cái. Sau khi nhận đủ 300 cái Lu ngày 18/02/2022 âm lịch vợ ông là bà Nguyễn Thị M có viết giấy biên nhận cho bà B tổng số tiền mua Lu là 24.750.000 đồng bao gồm cả giá vận chuyển đến tận nhà cho vợ chồng ông. Ông bà đã nhận đủ 300 cái Lu của bà B nH do không có điều kiện nên vợ chồng ông chưa trả được cho bà B số tiền trên. Trong số Lu bà B giao cho vợ chồng ông có một số cái mẫu mã không đẹp bà B hứa sẽ giảm giá cho vợ chồng ông nH không nói là giảm bao nhiêu tiền (bà B chỉ nói miệng nên ông không có tài liệu để cung cấp cho Tòa án). Ông xác nhận bản gốc giấy biên nhận mua Lu mà bà Nguyễn Thị B cung cấp cho Tòa án đúng là do bà Nguyễn Thị M (vợ ông) viết tại mặt sau của tờ lịch ngày 15/02/2022 có ký, ghi rõ tên Nguyễn Thị M dưới phần người mua. Bà M vẫn thường trú tại xóm 6, xã N, nH đi làm tự do tối mới về, do vậy ông nhận thay các văn bản tố tụng của Tòa án hứa sẽ giao tận tay cho bà M theo đúng quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc thu thập các tài liệu có trong hồ sơ và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng: Phía nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng. Phía bị đơn đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 430, 433, 434, 440 Bộ luật dân sự;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Xuân H có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Chí C số tiền 24.700.000đ.

- Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà M và ông H liên đới phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị B có đơn khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị M và chồng là ông Nguyễn Xuân H phải trả số tiền mua Lu trồng quất với tổng số tiền là 24.700.000 đồng. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị M có hộ khẩu thường trú tại xóm Đoài Đông, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Xét thấy, đây là quan hệ tranh chấp dân sự về hợp đồng mua bán tài sản nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Chí C có văn bản ủy quyền cho bà Nguyễn Thị B là nguyên đơn trong vụ án, bà B có ý kiến xin giải quyết vắng mặt là phù hợp với quy định tại khoản 1, 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận. Bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Xuân H đã được Tòa án triệu tập phiên tòa 02 lần hợp lệ nH vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về nội dung: Đầu năm 2022 vợ chồng bà Nguyễn Thị B đã bán cho vợ chồng bà Nguyễn Thị M 300 cái Lu để trồng Quất với tổng giá trị là 24.750.000 đồng. Ngày 18/2/2022 âm lịch bà B đã giao hàng tại nhà ở của bà M và ông H. Vợ chồng bà M đã nhận đủ 300 cái Lu, nH do hoàn cảnh khó khăn nên ông bà khát sau 01 tuần sẽ trả số tiền trên cho bà B. Đến nay đã hơn 01 năm, bà B đến nhà đòi nhiều lần nH bà M và ông H vẫn chưa trả, nên bà B làm đơn đề nghị Tòa án yêu cầu bà M và ông H có nghĩa vụ trả cho bà và ông C số tiền mua Lu là 24.700.000 đồng.

[4] Bà Nguyễn Thị M biết việc bà B khởi kiện đòi số tiền 24.700.000 đồng theo hợp đồng mua bán Lu do chưa trả cho bà B, nH bà không đến Tòa án để làm việc, cũng không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B gửi cho Tòa án.

[5] Ông Nguyễn Xuân H thừa nhận vợ chồng ông có mua của bà Nguyễn Thị B 300 cái Lu trồng Quất, về thời gian và số tiền mua như bản gốc giấy biên nhận bà B cung cấp cho Tòa án là đúng. Hiện ông và bà M chưa trả được cho bà B số tiền

mua Lu 24.700.000 đồng là do hoàn cảnh gia đình gặp khó khăn nên bà B có hứa cho vợ chồng ông nợ và sẽ bớt cho vợ chồng ông một khoản tiền, vì có một số Lu bị lỗi nH không biết số tiền bớt là bao nhiêu, vấn đề này hai bên chỉ nói miệng nên ông không có tài liệu, chứng cứ để nộp cho Tòa án. Ý kiến của ông H về lý do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo hợp đồng mua bán hàng hóa của bà B là không có căn cứ để chấp nhận.

[6] Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử thấy: Có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B. Buộc bà Nguyễn Thị M và chồng là ông Nguyễn Xuân H phải có nghĩa vụ trả cho bà B và chồng là ông Nguyễn Chí C số tiền mua Lu là 24.700.000 đồng theo quy định tại Điều 430 và 440 Bộ luật dân sự.

[7] Về lãi suất: Bà Nguyễn Thị B không yêu cầu bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Xuân H phải trả lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền từ thời gian mua hàng đến ngày xét xử sơ thẩm, do vậy Tòa án không đặt ra xem xét.

[8] Về án phí dân sự: Do yêu cầu khởi kiện của bà B được chấp nhận nên không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho bà B.

Bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Xuân H liên đới có nghĩa vụ trả nợ nên phải nộp án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận là $24.700.000 \text{ đồng} \times 5\% = 1.235.000 \text{ đồng}$ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 228; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 430; 433, 434, 440, 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

Buộc bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Xuân H phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Chí C số tiền 24.700.000 đồng (Hai mươi bốn triệu, bảy trăm nghìn đồng).

2. Nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả khoản tiền, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Xuân H liên đới nộp 1.235.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị B 600.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004903 ngày 13/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Nam Định.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Ánh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Xuân Chinh Trần Thị Hải Anh

Nguyễn Thị Ánh

